TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN ĐỒN** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 29/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hồng Ninh

Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Đình Cầu

- Bà Hoàng Thị Minh Tâm

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2019/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST - HS ngày 18/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị H** - Tên gọi khác: Bé - Giới tính: Nữ;

Sinh ngày 31/3/1981 tại Vân Đồn, Quảng Ninh;

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã ĐX, huyện Vân Đồn, Quảng Ninh;

Chỗ ở: Khu c, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên bố: Nguyễn Văn S - Sinh năm 1950;

Họ và tên mẹ: Đinh Thị L - Sinh năm 1950;

Có chồng là: Phạm Minh T - Sinh năm 1979; Có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 11/10/2019, hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị D** - Tên gọi khác: Không.- Giới tính: Nữ;

Sinh ngày 04/9/1962 tại Vân Đồn, Quảng Ninh;

Nơi ĐKHKTT: Khu g, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên bố: Nguyễn Văn S - Sinh năm 1932;

Họ và tên mẹ: Phạm Thị C, đã chết;

Có chồng là: Lâm Văn Đ - Sinh năm 1958; Có 02 con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 11/10/2019, hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: **Phạm Thị H** - Tên gọi khác: Không.- Giới tính: Nữ;

Sinh ngày 05/10/1972 tại Nam Sách, Hải Dương;

Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã Quốc T, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở: Khu o, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên bố: Phạm Công C - Sinh năm 1931;

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N - Sinh năm 1934;

Có chồng là: Nguyễn Đức Q - Sinh năm 1970; Có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 11/10/2019, hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** - Tên gọi khác: Không.- Giới tính: Nam;

Sinh ngày 07/10/1964 tại Vân Đồn, Quảng Ninh;

Nơi ĐKHKTT: Khu h, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên bố: Nguyễn Văn N, đã chết;

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H - Sinh năm 1935;

Có vợ là: Hà Thị C, sinh năm 1968;

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 11/10/2019, hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa

*** Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959 - Vắng mặt
- Ông Lưu Quang B, sinh năm 1955 - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do từ trước Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H đã đánh bạc tại nhà Nguyễn Văn T ở khu o, thị trấn C, huyện Vân Đồn và thoả thuận với Tuấn mỗi lần đánh bạc, nếu ai thắng sẽ cho T từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng để T bảo vệ, canh gác. Khoảng 12 giờ ngày 02/10/2019, H rủ D, H đến nhà T để đánh bạc. Khi nhóm H đến nơi tại phòng ngủ tầng hai, T đã chuẩn bị sẵn bài tú lơ khơ, nước uống và cho H vay 260.000 đồng tiền lẻ, loại mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng để H, D, H đánh bạc. Sau đó, H, D, H lấy bộ bài tú lơ khơ chọn các lá bài từ A (át), 2 (hai), 3 (ba) ... đến 10 (mười), mỗi quân bài có 04 chất cơ, rô, tép, bích. Chia số lá bài đã chọn cho mỗi người 09 lá, người chia bài sẽ được 10 lá, những lá bài còn lại được úp xuống chiếu bạc. Người đánh trước đi một lá bài nếu người kế tiếp không ăn lá bài đó thì sẽ bốc lá bài ở dưới chiếu bạc và

đánh đi một lá bài cho người kế tiếp. Lượt chơi cứ tiếp tục như vậy đến khi bốc hết các lá bài úp ở dưới chiếu bạc hoặc khi người chơi ù bài (là 09 lá bài trên tay đều tạo thành phỏm), nếu không ai ù bài thì sẽ tính điểm, ai có điểm cộng ít nhất trên bài thì thắng (xếp thứ nhất) người xếp vị trí cuối cùng có điểm cộng nhiều nhất. Mức cược như sau: Ai ù bài thì những người chơi phải trả cho người ù bài 50.000 đồng, ai cháy bài thì phải trả cho người thắng 30.000 đồng, người về nhì trả người thắng 10.000 đồng, người về thứ ba phải trả người thắng 20.000 đồng. Trong lúc chơi bạc, D bỏ ra 2.000.000 đồng, H bỏ ra khoảng 1.700.000 đồng, H bỏ ra 1.660.000 đồng và vay thêm của T 260.000 đồng. Đến 13 giờ 30 phút Công an huyện Vân Đồn bắt quả tang H, D, H có hành vi đánh bạc. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc 5.630.000 đồng và 40 lá bài. Ngoài ra còn thu giữ của T, D, H, H 04 chiếc điện thoại di động các loại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã quy kết. Thừa nhận sáng ngày 2/10/2019, các bị cáo gặp nhau ở chợ C và rủ nhau cùng đến nhà Nguyễn Văn T ở khu 4, thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn đánh phỏm ăn tiền. Thừa nhận cách thức chơi và mức độ cá cược cho mỗi ván bài như mô tả trong bản cáo trạng là đúng, thừa nhận khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng. Thừa nhận đã từng đến nhà Nguyễn Văn T đánh bạc nhiều lần, do T cho đánh bạc tại nhà T và chuẩn bị bài tú lơ khơ, nước uống cho các bị cáo, nên các bị cáo có bàn bạc với nhau, nếu ai thắng thì tùy theo kết quả thắng nhiều hay ít, thì cho tiền Nguyễn Văn T từ 50.000đ đến 200.000đ. Trong đó Nguyễn Thị H, Phạm Thị H, mỗi người đã một lần cho tiền T khoảng vài chục nghìn đồng nhưng không nhớ thời gian cho và số tiền cụ thể là bao nhiêu, bị cáo Nguyễn Thị D chưa cho T tiền lần nào do chưa lần nào thắng bạc. Các bị cáo đều thừa nhận, bị Viện kiểm sát truy tố là đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện, đúng người, đúng tội, không oan.

Ngoài ra các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H còn khai nhận: Khi đánh bạc, bị cáo H bỏ ra số tiền 1.660.000đ và vay thêm của bị cáo T số tiền 260.000đ tiền lẻ, bị cáo D bỏ ra số tiền 2.000.000đ, bị cáo H bỏ ra số tiền 1.700.000đ. Trong tổng số tiền 5.630.000đ bị thu giữ, bị cáo D bị thu giữ số tiền 3.380.000đ, bị cáo H bị thu giữ số tiền 820.000đ, bị cáo H bị thu giữ 1,430.000đ. Khi bị bắt giữ, bị cáo H bị thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S; bị cáo D bị thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng - trắng; bị cáo Hà bị thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia dạng bàn phím màu đen. Các bị cáo đều khai nhận, số tiền mang theo để đánh bạc là tiền bán hàng, do lao động mà có, điện thoại di động bị thu giữ, các bị cáo chỉ dùng để liên lạc trong sinh hoạt hàng ngày, không dùng để liên lạc với nhau khi rủ nhau đi đánh bạc tại nhà Tuấn.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận, đã nhiều lần cho các bị cáo H, D, H đánh bạc tại tầng hai nhà bị cáo, nhưng không nhớ rõ thời gian nào, trong đó có ngày 02/10/2019 bị bắt quả tang. Thừa nhận mỗi lần các bị cáo đánh bạc, bị cáo sẽ cung cấp nước uống, bộ bài tú lơ khơ và khóa cửa không cho người ngoài vào nhà khi các bị cáo đánh bạc. Thừa nhận đã thỏa thuận với các bị cáo H, D, H, mỗi khi đánh bạc xong, thì các bị cáo cho bị

cáo tiền, số tiền từ 50.000đ đến 200.000đ, trong đó bị cáo H, bị cáo H đã có lần cho tiền bị cáo, nhưng bị cáo không nhớ cụ thể thời gian cho khi nào và số tiền là bao nhiêu. Thừa nhận ngày 02/10/2019 có cho bị cáo H vay số tiền 260.000đ để đánh bạc, số tiền này do bị cáo tiết kiệm mà có, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel bị thu giữ là của bị cáo, bị cáo chỉ dùng để liên lạc trong sinh hoạt hàng ngày, không dùng để liên lạc với H, D, H. Thừa nhận bị Viện kiểm sát truy tố là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, đúng người, đúng tội, không oan.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ là người dân sinh sống tại địa phương, ông Lưu Quang B là khu trưởng khu o, thị trấn C, có lời khai khoảng 13 giờ 10 phút ngày 02/10/2019, được cơ quan Công an mời chứng kiến việc bắt quả tang các bị cáo có hành vi phạm tội, chứng kiến hành vi của các bị cáo bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng như lời khai của các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 28/CT - VKSVĐ ngày 13/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H, Nguyễn Văn T về tội "Đánh bạc" quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát huyện Vân Đồn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Bị cáo H được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51); Điều 17; Điều 58; Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, p, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày đã tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 11/10/2019, buộc bị cáo phải chấp hành từ 05 tháng 03 ngày đến 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.630.000đ (năm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng)

+ Tịch thu tiêu hủy 40 lá bài tú lơ khơ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S; bị cáo Nguyễn Thị D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng - trắng; bị cáo Phạm Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia dạng bàn phím màu đen; bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vân Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được qui định trong Bộ luật Tố tụng hình sự ; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H, Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người làm chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 02/10/2019, tại nhà Nguyễn Văn T ở khu o, thị trấn C, huyện Vân Đồn, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm, được thua bằng tiền, thì bị Công an huyện Vân Đồn bắt quả tang, thu giữ 5.630.000 đồng và 40 quân bài. Nguyễn Văn T có hành vi chuẩn bị địa điểm, bài lá, cảnh giới và cho H vay tiền lẻ để phục vụ cho việc đánh bạc.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H, Nguyễn Văn T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về trật tự công cộng. Các bị cáo có đủ năng lực nhận thức về pháp luật, biết rõ các qui định và sự nghiêm cấm của pháp luật về hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới mọi hình thức, nhưng vẫn thường rủ nhau đánh bạc, dẫn đến phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H, Nguyễn Văn T về tội " Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

[4] Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được các quy định của pháp luật về trật tự công cộng, trong đó có hành vi đánh bạc là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do coi thường pháp luật dẫn đến phạm tội, hành vi của các bị cáo gây bức xúc và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự công cộng trên địa bàn, vì vậy cần xử phạt các bị cáo nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo H có bố đẻ là ông

Phạm Công C, được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, là người có công với cách mạng, được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn T là con liệt sỹ, bản thân là người khuyết tật nặng, vì vậy được áp dụng thêm điểm p,x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về tính chất, vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo H, D, H là người thực hành, bị cáo T là người giúp sức cho các bị cáo khác, vì vậy, cơ bản vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Tuy nhiên, bị cáo H có hành vi rủ các bị cáo khác đánh bạc vào ngày 02/10/2019,vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác; Bị cáo H có bố đẻ là người có công với cách mạng, vì vậy, hình phạt áp dụng đối với bị cáo thấp hơn đối với bị cáo D; Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do đó hình phạt áp dụng đối với bị cáo nhẹ hơn đối với các bị cáo trong vụ án.

[7] Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo được tự cải tạo, dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương. Bị cáo T do có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân là người khuyết tật nặng, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với bị cáo. Đối với việc bị khấu trừ thu nhập, xét thấy đây là trường hợp đặc biệt, vì vậy, miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo, cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền tiền 5.630.000đ (năm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) bị thu giữ, là số tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo, vì vậy, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 40 lá bài tú lơ khơ là công cụ các bị cáo dùng để đánh bạc, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S thu của Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng - trắng, thu của Nguyễn Thị D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia dạng bàn phím màu đen, thu của Phạm Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, thu của Nguyễn Văn T, không liên quan đến tội phạm, cần trả lại các bị cáo.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, các bị cáo H, D, H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo T là người khuyết tật được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 331; Điều 133 Bộ luật tố tụng hình sự;

[12] Đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H và hành vi giúp sức cho việc đánh bạc của Nguyễn Văn T trước ngày 02/10/2019 tại nhà T. Do không xác định được thời gian và số tiền các bị can

dùng vào việc đánh bạc nên không có căn cứ xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Bị cáo H áp dụng thêm khoản 2 Điều 51); Điều 17; Điều 58; Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i , s, p, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H, Nguyễn Văn T phạm tội "Đánh bạc"

Xử phạt:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H 09** (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị D** 07 (bẩy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị H** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 27 (hai mươi bẩy) ngày quy đổi thời gian đã tạm giữ. Buộc bị cáo phải chấp hành 05(năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Giao bị cáoNguyễn Thị H cho Uỷ ban nhân dân xã ĐX, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Giao bị cáo Nguyễn Thị D, bị cáo Nguyễn Văn T cho Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh (Đối với bị cáo Tuấn còn giao cho gia đình bị cáo); Giao bị cáo Phạm Thị Hà cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của các bị cáo H, D, H, và chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T. Trong trường hợp Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H, Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết hoặc buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, biện pháp ngăn chặn tại các lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú: Số 31 ngày 11/10/2019 áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thị H; Số 32 ngày 11/10/2019 áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thị D; Số 33 ngày 11/10/2019 áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn T; Số 34 ngày 11/10/2019 áp dụng đối với bị cáo Phạm Thị H, bị hủy bỏ.

- Căn cứ: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.630.000đ (năm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng)

+ Tịch thu tiêu hủy 40 lá bài tú lơ khơ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, Model A1688, trong máy có lắp 01 sim Viettel; bị cáo Nguyễn Thị D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng - trắng, Model A1586, trong máy có lắp 01 sim Vinaphone; bị cáo Phạm Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím màu đen, CODE: 23NEB 14N00, trong máy có lắp 01 sim Viettel; bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bàn phím màu xanh - trắng, trong máy có lắp 01 sim Viettel;

Tình trạng vật chứng, tài sản thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 07 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Phạm Thị H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Tòa án,Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn*
- *CQCSĐT, THAHS, Công an huyện Vân Đồn*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Đồn*
- *Bị cáo, THA*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Ninh